

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 55/2024/DS-GĐT

Ngày 17-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia xét xử gồm:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường và ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Bích H**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn B**, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/3/2023):

Ông **Nguyễn Văn T**; địa chỉ cư trú: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH MTV T2 MÊHICÔ (nay là Công ty TNHH MTV T2).

Người đại diện theo pháp luật:

Ông **Nguyễn Tấn B** (đồng thời là bị đơn); địa chỉ cư trú: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

3.3. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Nguyên đơn bà Võ Thị Bích H trình bày:

Bà với ông Nguyễn Tấn B có mối quan hệ gia đình, ông B là anh chồng của bà, nên ngày 02/7/2010, bà có cho ông B vay 600.000.000 đồng, không có thời hạn trả, khi bà đòi thì phải báo trước thời hạn 01 tháng; mục đích vay tiền để ông B đầu tư kinh doanh cà phê bột, lãi suất trong hợp đồng là 12%/năm, lãi suất trả vào cuối tháng, khi vay không thể chấp tài sản gì.

Do là anh, em nên khi Công ty TNHH MTV T2 MÊHICÔ kinh doanh gặp nhiều khó khăn, bà chưa đòi gốc và lãi. Vừa qua, được biết ông B tự ý bán nhiều tài sản của cá nhân và của Công ty TNHH MTV T2 MÊHICÔ nhưng không trả gốc và lãi cho bà, bà đã đòi nhiều lần nhưng đến nay ông B vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào về gốc và lãi như đã thỏa thuận.

Trong Giấy vay tiền ngày 02/7/2010, ông Nguyễn Tấn B ký, ghi họ tên và đóng dấu là Giám đốc Công ty TNHH T2 MÊHICÔ, nhưng lúc đó là anh em nên ký, đóng dấu để làm tin, chứ bà không cho Công ty vay tiền. Bà xác định chỉ cho cá nhân ông B vay tiền, không liên quan gì đến Công ty và gia đình ông B, nên chỉ khởi kiện cá nhân ông B phải trả tiền gốc và lãi cho theo giấy vay tiền. Số tiền này là tiền riêng của bà không liên quan gì đến ông Nguyễn Tấn P (chồng của bà).

Vì vậy, bà đề nghị Tòa án buộc cá nhân ông Nguyễn Tấn B phải trả cho bà số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng vay tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2]. Bị đơn ông Nguyễn Tấn B trình bày:

Ông là Giám đốc Công ty TNHH T2 MÊHICÔ, bà Võ Thị Bích H là em dâu của ông. Ngày 02/7/2010, ông có ký vay 600.000.000 đồng của bà H, khi ký vay tiền không ghi thời hạn trả, khi nào bà H đòi thì phải báo trước thời hạn 01 tháng; mục đích vay để Công ty TNHH T2 MÊHICÔ đầu tư kinh doanh vào cà phê bột, lãi suất trong hợp đồng 12%/năm, lãi suất trả vào cuối tháng, khi vay không thể chấp tài sản gì.

Ông xác định có ký vay tiền cho Công ty TNHH T2 MÊHICÔ, nhưng thực tế không có việc giao, nhận tiền với Công ty. Nếu có việc vay mượn tiền cá nhân, thì phải ghi rõ là đã nhận đủ tiền, phải trả lãi hàng tháng theo quy định, nhưng giữa

ông và bà H từ khi ký vay đến nay không có việc trả tiền lãi và tiền gốc, do đó Giấy vay tiền ngày 02/7/2010 không có giá trị pháp lý. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H.

[3]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

[3.1] Công Ty TNHH T2 MÊHICÔ:

Công ty TNHH T2 MÊHICÔ (nay là Công ty TNHH MTV T2) có ký giấy vay tiền, nhưng bà Võ Thị Bích H chưa đưa tiền, nên Công ty không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2]. Ông Nguyễn Tấn P:

Ông là chồng của bà Võ Thị Bích H, nhưng ông không liên quan đến số tiền 600.000.000 đồng mà bà H cho ông Nguyễn Tấn B vay ngày 02/7/2010, vì tiền này là tiền riêng của bà H và ông từ chối tham gia tố tụng

[3.3]. Bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T1:

Các bà là thành viên Công ty TNHH MTV T2, nhưng không biết và không liên quan đến số tiền 600.000.000 đồng ngày 02/7/2010 của bà H cho ông Nguyễn Tấn B vay, nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án như trên, Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357 và 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H về việc: Buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả 1.546.200.000 đồng; trong đó: 600.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/8/2023 là 946.200.000 đồng cho bà Võ Thị Bích H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2023, nguyên đơn là bà Võ Thị Bích H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2024/DS-PT ngày 24/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Võ Thị Bích H.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H.

- Buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả cho bà Võ Thị Bích H số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và nợ lãi 46.800.000 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng); tổng cộng: 646.800.000 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H về việc buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả cho Võ Thị Bích H số tiền lãi 899.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/3/2024, bị đơn là ông Nguyễn Tấn B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị kháng nghị huỷ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 18/KN-DS ngày 21/6/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2024/DS-PT ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nội dung tại Giấy vay tiền ngày 02/7/2010 thể hiện, ông Nguyễn Tấn B là Giám đốc, đại diện cho Công ty TNHH T2 MÊHICÔ có mượn (vay) của bà Võ Thị Bích H 600.000.000 đồng để kinh doanh cà phê bột, với mức lãi suất là 12%/năm, lãi suất được trả vào cuối tháng. Phần mục “Người viết giấy vay”, ông Nguyễn Tấn B ký tên với tư cách Giám đốc và đóng dấu Công ty. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định khoản vay trên, ông B đại diện cho Công ty để vay tiền bà H, không phải là khoản vay của cá nhân ông B.

[2]. Theo lời khai của các bên đương sự, thì bà Võ Thị Bích H với ông Nguyễn Tấn B có quan hệ là anh chồng, em dâu. Công ty TNHH MTV T2 MÊHICÔ do ông B đứng tên, nhưng thực chất là Công ty gia đình và có 4 thành viên là 4 anh em ruột, gồm các ông, bà: Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn P (chồng bà H), Nguyễn Thị Hồng L và Nguyễn Thị Thu T1. Ngoài ra, tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 10/2022/KDTM-PT ngày 31/3/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty với Công ty về yêu cầu công nhận thành viên góp vốn của Công ty”, giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Thu T1 với bị đơn là Công ty TNHH T2 MÊHICÔ đã xác định các ông, bà Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thị Hồng L và Nguyễn Thị Thu T1 là thành viên góp vốn vào Công ty TNHH T2 MÊHICÔ (nay là Công ty TNHH MTV T2) và công nhận tỷ lệ góp vốn của mỗi người vào Công ty tương ứng với tỷ lệ phần trăm của các tài sản. Do đó, cần xác định khoản vay 600.000.000 đồng (nêu trên) là khoản vay mà ông Nguyễn Tấn B đại diện vay cho Công ty. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng ông B không đưa ra được chứng từ kế toán liên quan đến số tiền vay vào khoản nợ của Công ty. Tuy nhiên, xét trên thực tế, thì việc ông B có sử dụng số tiền vay của bà H vào việc kinh doanh của Công ty hay không là quan hệ khác; trường hợp, nếu các thành viên trong Công ty có tranh chấp, thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H là có căn cứ, đúng pháp luật. Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc cá nhân ông Nguyễn Tấn B phải có trách nhiệm trả tiền cho bà Võ Thị Bích H là không đánh giá các chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tấn B.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/KN-DS ngày 21/6/2024 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/KN-DS ngày 21/6/2024 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2024/DS-PT ngày 24/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột (để biết);
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường

